

# ETF SSIAM VNX50



THÔNG TIN QUỸ – THÁNG 12/2020

## THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

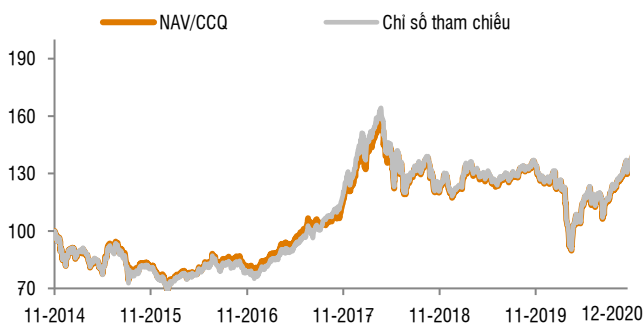
|                                   |  |
|-----------------------------------|--|
| <b>TÊN QUỸ</b>                    | <b>ETF SSIAM VNX50</b>                         |
| <b>CHỈ SỐ THAM CHIẾU</b>          | VNX50  |
| <b>SÀN NIÊM YẾT</b>               | Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSX) |
| <b>MÃ GIAO DỊCH</b>               | FUESSV50                                       |
| <b>MÃ BLOOMBERG</b>               | FUESSV50 VN EQUITY                             |
| <b>BẮT ĐẦU HOẠT ĐỘNG</b>          | 10/12/2014                                     |
| <b>TIỀN TỆ</b>                    | VNĐ  |
| <b>CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ</b>        | Công ty Quản lý quỹ SSI (SSIAM)                |
| <b>GIÁ DỊCH VỤ QUẢN LÝ</b>        | 0,65%  |
| <b>TỔNG SỐ LƯỢNG CCQ LƯU HÀNH</b> | 13.500.000                                     |

## CHỈ SỐ CƠ BẢN CỦA QUỸ

|                          |        |
|--------------------------|--------|
| <b>SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU</b> | 50     |
| <b>HỆ SỐ P/E</b>         | 14,97x |
| <b>HỆ SỐ P/B</b>         | 2,24x  |

Nguồn: Bloomberg, SSIAM

## HIỆU QUẢ ĐẦU TƯ



## MÔ TẢ VỀ QUỸ

Quỹ ETF SSIAM VNX50 hướng tới đạt hiệu quả đầu tư bám sát mức sinh lời thực tế của Chỉ số VNX50 trong tất cả các giai đoạn.

Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động và đầu tư vào các cổ phiếu cấu thành chỉ số VNX50. Quỹ không hướng tới đạt hiệu quả vượt trội so với Chỉ số VNX50 hoặc đưa ra các biện pháp phòng thủ khi TTCK Việt Nam giảm điểm.

Quỹ ETF SSIAM VNX50 tiền thân là quỹ ETF SSIAM HNX30, được thành lập năm 2014. Từ khi thành lập đến 22/08/2017, Quỹ mô phỏng chỉ số HNX30, bao gồm 30 cổ phiếu hàng đầu được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Từ ngày 23/08/2017, Quỹ đã thực hiện cơ cấu lại danh mục đầu tư để mô phỏng Chỉ số VNX50 và chính thức đổi tên thành Quỹ ETF SSIAM VNX50. Quỹ được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch FUESSV50.

## CHỈ SỐ THAM CHIẾU VNX50

Chỉ số VNX50 là chỉ số giá bao gồm 50 mã cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch Chứng Khoán Hà Nội (HNX) và Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HSX). Chỉ số VNX50 bao gồm 50 công ty có giá trị vốn hóa, tính thanh khoản và tỷ lệ tự do chuyển nhượng hàng đầu trong rổ cổ phiếu VNX Allshare. Tỷ lệ vốn hóa tối đa áp dụng cho mỗi cổ phiếu trong Chỉ Số VNX50 là 10%. Ngày cơ sở của chỉ số VNX50 là 21/07/2017 với điểm cơ sở là giá trị chỉ số đóng cửa của VNX Allshare ngày 21/07/2017.

Chỉ số VNX50 được xem xét điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần.

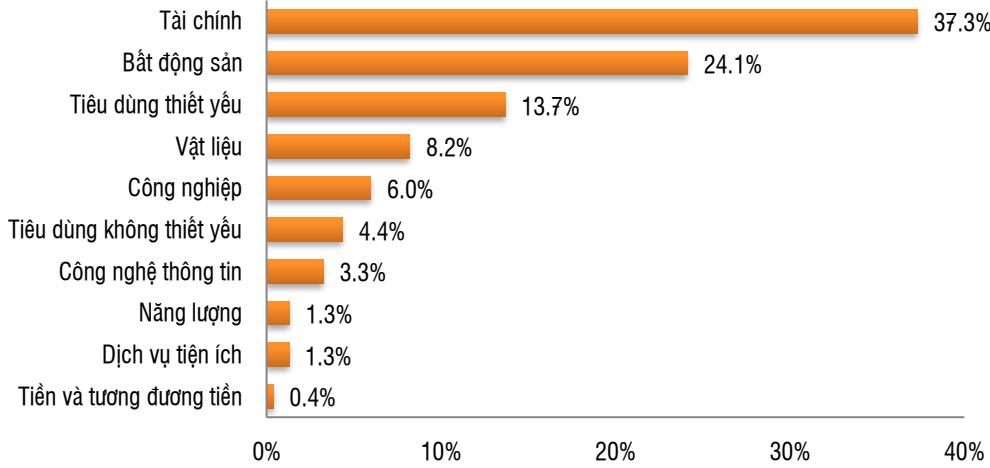
Chỉ số VNX50 đại diện cho 73,4% vốn hóa của thị trường chứng khoán Việt Nam.

|         | Tăng trưởng (%) |       |       |         |         |                 |   |
|---------|-----------------|-------|-------|---------|---------|-----------------|---|
|         | 2017            | 2018  | 2019  | 1 tháng | 3 tháng | Từ đầu năm 2020 | Từ ngày kết thúc đăng ký góp vốn (17/11/2014) |
| NAV/CCQ | 60,4%           | -7,1% | 6,04% | 10,21%  | 23,29%  | 22,95%          | <b>55,78%</b>                                 |
| VNX50*  | 71,4%           | -9,5% | 5,88% | 10,11%  | 23,38%  | 23,14%          | <b>56,82%</b>                                 |

(\*): Từ 17/11/2014 đến 22/8/2017, Chỉ số tham chiếu là chỉ số HNX30, sau 22/8/2017, Chỉ số tham chiếu là chỉ số VNX50.

Dữ liệu hoạt động đề cập ở đây thể hiện hiệu quả hoạt động trong quá khứ, không đảm bảo kết quả trong tương lai. Giá trị lợi nhuận và số tiền gốc của khoản đầu tư sẽ thay đổi, theo đó giá trị chứng khoán của nhà đầu tư khi bán có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị vốn ban đầu.

CƠ CẤU DANH MỤC THEO NGÀNH (% NAV)



DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA QUỸ (% NAV)

| STT | Cổ phiếu | Tên công ty  | % NAV | STT | Cổ phiếu | Tên công ty  | % NAV |
|-----|----------|--|-------|-----|----------|--|-------|
| 1   | VIC      | Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần                | 9,3%  | 26  | GMD      | Công ty Cổ phần Gemadept                                   | 0,7%  |
| 2   | VNM      | Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam                       | 8,5%  | 27  | PDR      | Công ty cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt           | 0,7%  |
| 3   | TCB      | Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam                  | 6,8%  | 28  | KBC      | Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc                    | 0,7%  |
| 4   | HPG      | Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát                  | 6,7%  | 29  | GEX      | Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam                | 0,7%  |
| 5   | VHM      | CTCP Vinhomes                                      | 6,5%  | 30  | BID      | Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam | 0,7%  |
| 6   | ACB      | Ngân hàng TMCP Á Châu                              | 5,4%  | 31  | PLX      | Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam                                 | 0,6%  |
| 7   | VPB      | Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng                | 4,9%  | 32  | DXG      | Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh        | 0,6%  |
| 8   | VCB      | Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam | 3,5%  | 33  | HSG      | Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen                           | 0,6%  |
| 9   | MBB      | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội              | 3,4%  | 34  | REE      | Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh                               | 0,6%  |
| 10  | FPT      | Công ty Cổ phần FPT                                | 3,3%  | 35  | POW      | Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam                     | 0,6%  |
| 11  | MSN      | Công ty Cổ phần Tập đoàn MaSan                     | 3,2%  | 36  | VCS      | CTCP Đá Thạch Anh Cao cấp VSC                              | 0,6%  |
| 12  | MWG      | Công ty cổ phần Đầu tư Thế giới Di động            | 3,1%  | 37  | BVH      | Tập đoàn Bảo Việt  | 0,4%  |
| 13  | VJC      | CTCP Hàng không VietJet                            | 2,9%  | 38  | SBT      | Công ty cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh        | 0,4%  |
| 14  | STB      | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín    | 2,6%  | 39  | PHR      | Công ty cổ phần Cao su Phước Hòa                           | 0,4%  |
| 15  | VRE      | CTCP Vincom Retail                                 | 2,5%  | 40  | NLG      | Công ty cổ phần Đầu tư Nam Long                            | 0,4%  |
| 16  | HDB      | Ngân hàng Phát triển TPHCM                         | 2,3%  | 41  | PVS      | TCTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam                    | 0,4%  |
| 17  | CTG      | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam  | 2,3%  | 42  | CII      | Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật T.P Hồ Chí Minh    | 0,4%  |
| 18  | NVL      | CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va                  | 2,0%  | 43  | TCH      | Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy         | 0,3%  |
| 19  | SHB      | Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội                    | 2,0%  | 44  | HCM      | Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh          | 0,3%  |
| 20  | EIB      | Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam             | 1,8%  | 45  | PVD      | Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí        | 0,3%  |
| 21  | PNJ      | Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận          | 1,3%  | 46  | VHC      | Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn                                  | 0,3%  |
| 22  | SAB      | Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn      | 1,3%  | 47  | CTD      | Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons                         | 0,3%  |
| 23  | SSI      | Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn                | 1,1%  | 48  | VPI      | Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú                             | 0,2%  |
| 24  | KDH      | Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Khang Điền   | 0,9%  | 49  | FLC      | Công ty cổ phần Tập đoàn FLC                               | 0,2%  |
| 25  | GAS      | Tổng Công ty Khí Việt Nam                          | 0,7%  | 50  | ROS      | CTCP Xây dựng FLC Faros                                    | 0,1%  |

## KHUYẾN CÁO

Tài liệu này được viết và phát hành bởi công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI (SSIAM). Tài liệu này chỉ mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Tài liệu này không phải là bản cáo bạch, lời đề nghị hay là bất kỳ cam kết nào của SSIAM. SSIAM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi tài liệu này dưới mọi hình thức khi các vấn đề thuộc về quan điểm, dự báo và ước tính trong tài liệu này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.

Trong trường hợp có bất kỳ thay đổi về thông tin nhà đầu trong Phần A của Hồ Sơ Nhà Đầu Tư đã gửi SSIAM, kính đề nghị Quý Nhà Đầu Tư cập nhật cho chúng tôi trong thời gian sớm nhất.

Tài liệu này không nên được sử dụng cho mục đích ghi nhận kế toán, thuế hay để đưa ra các quyết định đầu tư. Nhà Đầu Tư nên chú ý rằng kết quả hoạt động trong quá khứ không hàm ý đảm bảo cho kết quả hoạt động của Quý trong tương lai. Giá trị của một chứng chỉ quỹ và thu nhập của Quý có thể tăng hoặc giảm nên không thể được bảo đảm bởi Công Ty Quản Lý Quỹ. Trường hợp Nhà Đầu Tư nghi ngờ về quyết định đầu tư của mình thì nên tìm hiểu thêm thông tin hoặc tham khảo ý kiến chuyên gia để có quyết định đầu tư thích hợp.



**AsianInvestor**

“Công Ty Quản Lý Quỹ của Năm” năm 2012, 2014

“Công Ty Quản Lý Quỹ Nội Địa của Năm” năm 2015, 2016, 2017, 2018

“Công Ty Quản Lý Quỹ Nội Địa Tốt Nhất Việt Nam” năm 2010

“Công Ty Quản Lý Quỹ Tốt Nhất Việt Nam” năm 2015, 2016, 2017, 2018